

Bản án số: 1264/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 9 - 2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Thành Viên
bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 971/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 522/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023.

Nguyên đơn: bà Văn Mỹ T, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: , Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: , Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Đặng Văn M, sinh năm 1978; Tạm trú: , Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2023, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Văn Mỹ T trình bày: ông Đặng Văn M với bà Văn Mỹ T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số: 33, ngày 23 tháng 6 năm 2018. Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy không thể khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M để ổn định cuộc sống. Bà T và ông M không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà T, nhưng bà T có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự, triệu tập ông M tới Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông M đều vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt. Do Bà T vẫn xin được giải quyết ly hôn, nên Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông M, nhưng ông M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 33, ngày 23 tháng 6 năm 2018 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Văn Mỹ T và ông Đặng Văn M đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông M là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[6] Về nội dung:

[7] Đối với yêu cầu ly hôn của bà T thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[8] Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng. Như vậy, là vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông M không tới Tòa án để ghi bản khai, tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa cũng đã thể hiện ông M không mong muốn đoàn tụ với bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[9] Bà T và ông M khai không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xét về con chung trong vụ án này.

[10] Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

[11] Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho bà T được ly hôn với ông M, cụ thể như sau:

[12] Về quan hệ hôn nhân: bà T được ly hôn với ông M, quan hệ hôn nhân chấm dứt từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[13] Về con chung: bà T và ông M không có con chung.

[14] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[15] Bà Tiên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Văn Mỹ T được ly hôn với ông Đặng Văn M.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 33, ngày 23 tháng 6 năm 2018 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Văn Mỹ T và ông Đặng Văn M chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: bà T và ông M không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã tạm nộp án phí theo biên lai số: ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thế Viễn